

Hiệu trưởng duyệt

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh

giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC PHẦN
Học kỳ 232, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Quản trị Logistics Số tín chỉ: 03
trong thương mại điện tử

Mã học phần: **71SCMN40263** Mã nhóm lớp học phần: 232_71SCMN40263_01

Thời gian làm bài: **60 phút** Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

SV được tham khảo tài liệu: Có Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án Lần 1 Lần 2

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân tích đặc điểm các loại mô hình fulfillment; và hoạch định chiến lược cho mô hình fulfillment	Trắc nghiệm	20%	1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10	3	1,5
CLO2	Phân tích quy trình xuất nhập khẩu bằng đường hàng không và đường biển, và các ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất nhập khẩu.	Trắc nghiệm	20%	1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10	3	1,5
CLO3	Phân tích các tiêu chí lựa chọn vị trí nhà kho, và tính toán số lượng hàng tồn kho trong điều kiện không ổn định.	Tự luận	30%	2.1, 2.2	7	4,5
CLO4	Đánh giá và lựa chọn vị trí nhà kho bằng kỹ thuật AHP.	Tự luận	30%	2.1, 2.2,	7	3,5
CLO5	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập hiệu quả. Cũng như kỹ năng thuyết trình và truyền tải thông tin thông qua các công cụ văn bản, lời nói.	Bài tập quá trình, thuyết trình				
CLO6	Duy trì khả năng tự học suốt đời; đồng thời phát triển khả năng chịu áp lực và tinh thần trách nhiệm trong học tập và làm việc.	Bài tập quá trình, thuyết trình				

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố

trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Quản trị Logistics trong thương mại điện tử Số tín chỉ: 03

Mã học phần: 71SCMN40263

Mã nhóm lớp học phần: 232_71SCMN40263_01

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

II. Nội dung câu hỏi thi

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (3 Điểm)

Câu 1: Đây là phát biểu sai về phân loại dịch vụ logistics? (0.3 điểm)

- Logistic bên thứ 3 cung cấp giải pháp logistics toàn diện, lưu trữ đám mây, hỗ trợ doanh nghiệp từ trong ra ngoài nhà máy.
- Các công ty thực hiện 1PL tự đầu tư cho đội xe, thuê người và đào tạo. Do đó, chi phí ban đầu cao.
- Logistics bên thứ hai là các bên chuyên cung cấp dịch vụ đơn giản như chở thuê, bốc vác, cho thuê xe,...
- Logistics bên thứ tư ngoài quản lý xuyên các dịch vụ bên ngoài nhà máy, đơn vị này còn hỗ trợ quá trình vận hành, hay sản xuất của doanh nghiệp.

ĐÁP ÁN: A

Câu 2: Một quỹ từ thiện nhận trợ cấp từ chính phủ, sau đó chuyển vốn cho các công ty khác và nhóm khách hàng ở từng vùng làm thiện. Quỹ từ thiện này đang thực hiện mô hình: (0.3 điểm)

- G2B đầu vào; B2C và B2B đầu ra
- B2B đầu vào; B2G và B2B đầu ra
- G2C đầu vào; B2G và B2C đầu ra
- B2C đầu vào; B2C và G2G đầu ra

ĐÁP ÁN: A

Câu 3: Đây là câu sai khi nói về tầm quan trọng của quản trị Logistics trong thương mại điện tử? (0.3 điểm)

- Sự thành công của một doanh nghiệp e-commerce chỉ đến từ việc thu hút khách hàng tới website bán hàng.
- Để đảm bảo được 3R (đúng sản phẩm, đúng nơi chốn, đúng thời điểm) thì việc phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động này là cần thiết.
- Phụ thuộc vào hệ thống logistics, khả năng đáp ứng đơn hàng và chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp.

d. Việc xây dựng một website và đưa sản phẩm lên đó là điều không khó. Tuy nhiên, việc xử lý đơn hàng là điều không đơn giản.

ĐÁP ÁN : A

Câu 4: Điều gì là đúng khi nói về fulfillment? (0.3 điểm)

a. **Tất cả ở trên**

b. Mục tiêu của các hoạt động Fulfillment là đáp ứng 3R (đúng người, đúng địa điểm, và đúng thời gian)

c. Trung tâm Fulfillment khác với nhà kho mà nhà kho chỉ là nơi lưu trữ, bảo quản, và đóng gói hàng hóa, không có chức năng giao nhận hàng hóa.

d. Fulfillment là một chuỗi các hoạt động nhằm xử lý đơn hàng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ĐÁP ÁN: A

Câu 5: Đây là phát biểu đúng về Outsource Fulfillment? (0.3 điểm)

a. **Được thực hiện bởi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Logistics (LSPs) hay các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Fulfillment (FSPs) bao gồm các doanh nghiệp 2PL, 3PL, và các sàn giao dịch như dịch vụ FBS của Shopee, FBA của Amazon.**

b. Doanh nghiệp sẽ tự thực hiện tất cả các hoạt động bao gồm việc quản lý hàng lưu kho, tiếp nhận và xử lý đơn hàng và đóng gói và giao hàng.

c. Hoạt động Fulfillment sẽ khác nhau dựa trên phương thức sản xuất của doanh nghiệp.

d. Việc sản xuất được thực hiện dựa trên dự báo doanh số.

ĐÁP ÁN: A

Câu 6: Hãy chọn đáp án sai? (0.3 điểm)

a. **Trong mô hình Fulfillment tại cửa hàng thông thường khách hàng chọn lấy hàng tại cửa hàng gần nhất.**

b. Pure-play model (Mô hình Fulfillment thuần túy) là một mô hình thuộc chuỗi cung ứng đầy.

c. In-store fulfillment model (Mô hình Fulfillment tại cửa hàng) có thể mở thêm chức năng cửa hàng online.

d. Mô hình Fulfillment tại cửa hàng có chi phí giao hàng thấp, thường miễn phí giao hàng.

ĐÁP ÁN: A

Câu hỏi 7: Điều gì không đúng về lợi ích của Fulfillment và trải nghiệm của khách hàng? (0.3 điểm)

a. **Tình hình dự trữ hàng hóa, tính chính xác của thông tin và khả năng sinh lợi là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng Fulfillment.**

b. Trải nghiệm của khách hàng về hoạt động Fulfillment có sự ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và hệ thống Logistics nói riêng.

c. Góp phần gia tăng giá trị cộng thêm cho sản phẩm bởi độ ổn định của thời gian giao hàng.

d. Đáp ứng ngay nhu cầu của khách hàng về sự sẵn có của sản phẩm và dịch vụ.

ĐÁP ÁN: A

Câu 8: Điều gì không đúng trong vận tải? (0.3 điểm)

- a. **Khi chia thời hạn bốc, dỡ ra riêng (average laytime/ separate laytime) nếu tổng thời gian bốc và dỡ vượt quá quy định, chủ hàng sẽ chịu phạt.**
- b. Cước phí trong phương thức thuê tàu chợ được quy định sẵn trong biểu cước theo nhiều loại khác nhau phân theo nhóm hàng hoặc theo từng loại hàng.
- c. Hợp đồng thuê tàu chuyến phải có: Điều khoản về tàu; Điều khoản về hàng; Điều khoản trách nhiệm và miễn trách nhiệm của người chuyên chở.
- d. Có hai cách quy định thời hạn bốc, dỡ để tính thưởng phạt.

ĐÁP ÁN: A

Câu 9: Điều gì không đúng trong quy trình xuất nhập khẩu hàng hoá dưới đây? (0.3 điểm)

- a. **Các điều kiện thuộc nhóm F, người bán cần mua bảo hiểm hàng hóa; các điều kiện còn lại thì ngược lại.**
- b. Với điều kiện EXW người bán không cần phải thực hiện hoạt động giao hàng (bao gồm hoạt động xuất khẩu và thủ tục hải quan).
- c. Quy trình xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ khác nhau dựa trên điều kiện Incoterm mà 2 bên thỏa thuận sử dụng từ trước.
- d. Người bán có thể tự thực hiện hoặc thuê ngoài các công ty dịch vụ Logistics (LSPs) các hoạt động thuê phương tiện và thủ tục hải quan.

ĐÁP ÁN: A

Câu 10: Tuyên bố sai về những nguy cơ đe dọa an ninh mạng là gì? (0.3 điểm)

- a. **Không có phát biểu sai.**
- b. Gian lận thanh toán là việc đánh cắp các thẻ thanh toán (credit hoặc debit) hoặc các thông tin liên quan đến thẻ thanh toán nhằm thực hiện các giao dịch trên mạng.
- c. Nghe trộm gói dữ liệu là công cụ (phần cứng hoặc phần mềm) được dùng để kiểm tra, giám sát các gói dữ liệu di chuyển trong hệ thống mạng.
- d. Đặc trưng của hệ thống Fulfillment an toàn là chống phủ định: Đảm bảo các bên tham gia thương mại điện tử không phủ định các hành động trực tuyến mà họ đã thực hiện.

ĐÁP ÁN: A

CÂU HỎI TỰ LUẬN (7 Điểm)

Câu 1 (4 Điểm): Một công ty công nghệ muốn chọn nền tảng tốt nhất cho một dự án phát triển dần thương mại mới. Họ đang xem xét ba nền tảng: Nền tảng A, Nền tảng B và Nền tảng C. Quyết định sẽ dựa trên bốn tiêu chí: Chi phí, Tính linh hoạt, Khả năng mở rộng và Bảo mật, biết:

- Tính linh hoạt quan trọng hơn chi phí 2 lần.
- Khả năng mở rộng quan trọng hơn chi phí, sự linh hoạt và bảo mật lần lượt là 3, 2 và 2 lần.
- Bảo mật quan trọng hơn chi phí và tính linh hoạt là 4 và 3 lần.

Nền tảng	Chi phí	Tính linh hoạt	Khả năng mở rộng	Bảo mật
A	4	3	4	4
B	5	5	1	3
C	3	2	2	3

- a) Sử dụng phương pháp hỗ trợ ra quyết định AHP để giúp công ty quyết định nền tảng tốt nhất dựa trên số điểm đã cho từ chuyên gia (3 điểm).
- b) Đây là nền tảng tốt nhất? (1 điểm)

Đáp án câu 1:

	Chi phí	Tính linh hoạt	Khả năng mở rộng	Bảo mật
Chi phí	1	0.5	0.33333333	0.25
Tính linh hoạt	2	1	0.5	0.33333333
Khả năng mở rộng	3	2	1	2
Bảo mật	4	3	0.5	1
Tổng	10	6.5	2.33333333	3.58333333

	Chi phí	Tính linh hoạt	Khả năng mở rộng	Bảo mật	Trung bình
Chi phí	0.1	0.07692308	0.14285714	0.06976744	0.09738692
Tính linh hoạt	0.2	0.15384615	0.21428571	0.09302326	0.16528878
Khả năng mở rộng	0.3	0.30769231	0.42857143	0.55813953	0.39860082
Bảo mật	0.4	0.46153846	0.21428571	0.27906977	0.33872349
Tổng	10	6.5	2.33333333	3.58333333	1

$$\text{Chỉ số CR: } CR = \frac{(\lambda - n)}{(n-1) \times RI} = \frac{(10 \times 0.097 + 6.5 \times 0.165 + 2.33 \times 0.398 + 3.583 \times 0.338 - 4)}{(4-1) \times 0.9} = 0.071 < 0.1$$

Nền tảng	Chi phí	Tính linh hoạt	Khả năng mở rộng	Bảo mật	Điểm
	0.09738692	0.16528878	0.39860082	0.33872349	
A	4*0.09738692	3*0.16528878	4*0.39860082	4*0.33872349	3.59367236
B	5*0.09738692	5*0.16528878	1*0.39860082	3*0.33872349	3.43373448
C	3*0.09738692	2*0.16528878	2*0.39860082	3*0.33872349	2.30613354

b)Nền tảng A là tốt nhất với số điểm 3.59367236

Câu 2: Công ty A có doanh số bán hàng như sau:

Năm	Doanh số
2019	50.000 sản phẩm
2020	55.000 sản phẩm
2021	60.000 sản phẩm
2022	40.000 sản phẩm
2023	50.000 sản phẩm

Thời gian giao hàng 4 ngày, mức độ dịch vụ chu kỳ là 92%, bán hàng 320 ngày/năm

1. Tính doanh số trung bình năm trong 5 năm
2. Tính độ lệch chuẩn doanh số theo năm trong 5 năm
3. Tính tồn kho an toàn
4. Tính điểm tái đặt hàng (ROP)

Đáp án câu 2:

1. Tính doanh số trung bình năm trong 5 năm:

$$= (50.000 + 55.000 + 60.000 + 40.000 + 50.000) / 5$$

$$= 51.000 \text{ sản phẩm/năm}$$

2. Tính độ lệch chuẩn doanh số theo năm trong 5 năm

$$= \sqrt{\frac{(50.000 - 53.600)^2 + (55.000 - 53.600)^2 + (60.000 - 53.600)^2 + (40.000 - 53.600)^2 + (50.000 - 53.600)^2}{5 - 1}}$$

$$= 7.416,198487 \text{ sản phẩm/năm}$$

3. Tính tồn kho an toàn

- Độ lệch chuẩn doanh số theo ngày trong 5 năm:

$$= 7.416,198487/320 = 23,17562027 \text{ sản phẩm/năm}$$

- $\text{Tồn kho an toàn} = \text{độ lệch chuẩn doanh số bán hàng} \times \text{hệ số mức độ dịch vụ chu kỳ} \times$

$$\sqrt{\text{thời gian giao hàng}}$$

$$= 23.17562027 \times 1,41 \times \sqrt{4}$$

$$= 65.35524917 \text{ sản phẩm} = 66 \text{ sản phẩm}$$

4. Tính điểm tái đặt hàng

Doanh số bán hàng trung bình ngày trong 5 năm

$$= 51.000 / 320 = 159,375 \text{ sản phẩm/ngày}$$

ROP = $\text{Tồn kho an toàn} + \text{thời gian giao hàng} \times \text{doanh số bán hàng trung bình trong một khoảng thời gian nhất định.}$

$$= 65.35524917 + 4 \times 159,375$$

$$= 702,8552492 \text{ sản phẩm}$$

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

TS

ThS. Tống Chí Thông